

Số: 118/2020/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 20 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số 143/2020/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa:

\*Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Kim N**, sinh năm 1993

Ngụ tại: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Bến Tre.

\*Bị đơn: Anh **Lê Trung H**, sinh năm 1992

Ngụ tại: ấp D, xã E, huyện N, tỉnh Bến Tre.

\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1971 (mẹ chị N), ngụ tại: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1/Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Kim N và anh Lê Trung H.

2/Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a)Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim N và anh Lê Trung H thuận tình ly hôn. Ghi nhận chị N, anh H không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

b)Về con chung: Chị Võ Thị Kim N được nuôi cháu Lê Kim Hoàng Y, sinh ngày 27/3/2019. Anh Lê Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Tuy nhiên vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

c) Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét.

d) Về nợ chung: Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kiều L (mẹ chị N) không có yêu cầu chị N, anh H trả cho bà L số nợ 40 triệu đồng và 04 chỉ vàng 24k trong vụ án này. Ngoài ra, chị N và anh H khai vợ chồng không có khoản nợ chung khác.

đ) Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị Kim N tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009892 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre. Chị N được trả lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn lại tạm ứng án phí về chia tài sản cho chị Võ Thị Kim N số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0009893 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre

Tổng số tiền tạm ứng án phí chị N được hoàn trả lại là 2.150.000đ (hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận :**

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Sơn Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Dương Bích Việt**